

Bản án số: 27/2019/HS-ST
Ngày 25/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Xuân Phẫu
2. Ông Thái Thiên Lương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Sỹ N, sinh ngày 01/3/1977 tại huyện T, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 05/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không tôn giáo; con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Phan Thị X, sinh năm 1942; vợ: Trương Thị H, sinh năm 1981; con: Có hai con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 17/4/2019 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Đại H, sinh năm 2002

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình “đã chết”

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình “có mặt”

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình “có mặt”

2. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình “vắng mặt”

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Quý T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình “vắng mặt”

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 16/02/2019, Lê Sỹ N điều khiển xe máy kéo, kéo theo thùng tự chế đến quán của anh Nguyễn Quý T, ở gần đường Quốc lộ 12A thuộc địa phận Thôn H, xã N, huyện T để sửa chữa. Khoảng 18 giờ 30 phút, sau khi sửa xong, N điều khiển xe lùi ra Quốc Lộ 12A để tham gia giao thông, do không chú ý quan sát phía sau, không có tín hiệu cần thiết nên đã xảy ra va chạm với xe mô tô nhãn hiệu FutirFi, Biển kiểm soát 73N9 - 4117 do anh Trần Đại H điều khiển đi theo hướng từ xã T đến thị trấn Đ, làm anh H cùng xe mô tô ngã xuống đường. Hậu quả anh Trần Đại H chết trên đường đưa đi cấp cứu, xe mô tô bị hư hỏng.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 32 ngày 07/3/2019 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp Y tỉnh Quảng Bình kết luận: Anh Trần Đại H chết do chấn thương ngực kín

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã tạm giữ:

- Một máy kéo, kéo theo thùng tự chế, màu sơn xanh (xe đã cũ).
- Một xe mô tô biển kiểm soát 73N9- 4117, nhãn hiệu FUTIRFI, màu sơn nâu;
- Một giấy đăng ký mô tô số 047376 cấp cho xe mô tô biển kiểm soát 73N9 - 4117.

Trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Lê Sỹ N đã đến thăm hỏi và bồi thường cho gia đình bị hại Trần Đại H số tiền 80.000.000đ. Phía gia đình bị hại không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho Lê Sỹ N.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Sỹ N đã được cơ quan điều tra làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKSTH-HS ngày 04/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Lê Sỹ N về tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt Lê Sỹ N từ 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án. Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Lê Sỹ N một máy kéo, kéo theo thùng tự chế, màu sơn xanh. Về án phí, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Lê Sỹ N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo N là người nhận thức được hành vi của mình, biết rõ việc điều khiển máy kéo tham gia giao thông là vi phạm pháp luật nhưng vẫn điều khiển máy kéo tham gia giao thông, khi lùi xe do không chú ý quan sát, không có tín hiệu nên đã gây tai nạn làm anh Trần Đại H chết. Lời nhận tội đó phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, ý kiến của Kiểm sát viên. Do đó đã đủ cơ sở để khẳng định, Lê Sỹ N đã vi phạm khoản 1 Điều 16 Luật giao thông đường bộ.

[3] Hội đồng xét xử nhận định: Hành vi của bị cáo Lê Sỹ N thực hiện với lỗi vô ý do cầu thả, đã đưa phương tiện cấm lưu thông vào tham gia giao thông gây tai nạn, gây hậu quả nghiêm trọng, làm thiệt hại tính mạng của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Vì vậy, hành vi của Lê Sỹ N đã phạm tội “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017, nên cần lên cho bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi xảy ra tai nạn đã có trách nhiệm động viên gia đình bị hại và hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Được đại diện bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố là ông Lê Văn L được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, thuộc gia đình có công với cách mạng. Vì vậy cần áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và

chưa cần cách ly bị cáo mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục để bị cáo tự rèn luyện, cải tạo là phù hợp.

[4] Vật chứng vụ án: Ngày 29/3/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã trả lại cho anh Trần Quốc T (anh trai bị hại) một chiếc xe mô tô biển kiểm soát 73N9 - 4117, nhãn hiệu FUTIRFI, màu sơn nâu; một giấy đăng ký mô tô số 047376 của xe mô tô biển kiểm soát 73N9 - 4117.

Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra đúng quy định của pháp luật.

Đối với một máy kéo, kéo theo thùng tự chế, màu sơn xanh (xe đã cũ), kết luận giám định số 11 ngày 22/03/2019 của Sở giao thông vận tải kết luận: Đầu máy kéo (loại máy cày) được sản xuất tại Nhật Bản. Đối với thùng tự chế là thùng hàng tự đổ, bán rời móc, không có nguồn gốc, không có thiết kế định hình nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS để trả lại cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Lê Sỹ N đã đến thăm hỏi và bồi thường cho gia đình bị hại Trần Đại H số tiền 80.000.000đ. Đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa không có yêu cầu gì thêm.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Sỹ N phạm tội: “vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt Lê Sỹ N 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Sỹ N cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS trả lại cho Lê Sỹ N một máy kéo, kéo theo thùng tự chế, màu sơn xanh (xe đã cũ).

Vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa.

3. Án phí: Bị cáo Lê Sỹ N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuyên bố bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 25/6/2019. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn trên tính từ ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án-án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Minh Toàn